

QMun 1.0 (Chính thức)

- Tên bộ chữ: QMun
- Ngày phát hành: 24/06/2025
- Áp dụng:
 - Dao Thanh Y

Phụ âm

Phụ âm đơn

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
1	m	/m/	meib	gạo	
2	mw	/m/	mweix,mwab	ong,cỏ	(Chưa dùng)
3	b	/b/	bor	đập	
4	bw	/b/	bwal,bweis	cám,sôi	(Chưa dùng)
5	p	/p/	peir	biết	
6	ph	/p ^h /	phouz	pháo	
7	f	/f/	feis	ngủ	
8	n	/n/	noc	chim	
9	d	/d/	dur	chuột	
10	t	/t/	tôc	rùa	
11	th	/t ^h /	thiuz	chạy	
12	x	/ɕ/	xuc	chín	
13	s	/ʈ/	sings	mát	
14	r~s	/ʈ/	rongh	cây thông	(Chưa dùng)
15	l	/l/	leic	lười	
16	nh	/ɲ/	nhah	răng	
17	z	/dz/	zuc	dao	
18	c	/tɕ/	căir	gà	

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
19	ch	/tɕʰ/	chul	thóc	
20	ng	/ŋ/	ngengc	cứng	
21	g	/g/	gungh	trời	
22	k	/k/	kôr	xa	
23	kh	/kʰ/	khôb	ngon	
24	h	/h/	heib	dễ	
25	y	/j/	youh	dầu	
26	w	/w/	wômr	nước	

Phụ âm ghép

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
1	bl	/bl/	blar	đỉnh	
2	pl	/pl/	plõngs	thùng	
3	phl	/pʰl/	phlatl	phai	
4	gl	/gl/	glangh	ao	
5	kl	/kl/	klôd	chó	
6	khl	/kʰl/	khlôz	ghè	
7	tl ~ kl	/kl/			(Chưa dùng)
8	thl ~ khl	/kʰl/	thiêtl	七	(Chưa dùng)

Vần

Vần trung tâm

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
1	a	/a:/	max	ngựa	
2	ai	/a.i/	kaid	giải	
3	au	/a.u/	saus	lên	
4	am	/a.m/	kamr	ngọt	
5	an	/a.n/	nhanh	tiền	
6	ang	/a.ŋ/	nangr	rắn	

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
7	ap	/a:p/	apr	vịt	
8	at	/a:t/	datr	cánh	
9	ak	/a:k/	lakl	xước	
10	ăi	/ai/	căir	gà	
11	ău	/au/	đăud	muối	
12	ăm	/am/	năms	lạnh	
13	ăn	/an/	cănrr	chai	
14	ăng	/aŋ/	tăngs	ghế	
15	ấp	/ap/	săpl	rét	
16	ăt	/at/	păts	bút	
17	ăk	/ak/	măkc	mực	
18	e	/ɛ:/	pec	trắng	
19	ei	/ei/	feis	ngủ	
20	eu	/ɛ:u/	meur	mèo	
21	em	/ɛ:m/	demh	nhọn	
22	en	/ɛ:n/	menr	cổng	
23	eng	/ɛ:ŋ/	mengr	xanh	
24	ep	/ɛ:p/	nhepr	gấp	
25	et	/ɛ:t/	etc	ngồi	
26	ek	/ɛ:k/	mekr	vạch ra	
27	êu	/ɛu/	êur	uốn éo	
28	êm	/ɛm/	mễmh mẽmh	(cho trẻ con ăn)	
29	ễn	/ɛn/	xễnd	chặt	
30	êng	/ɛŋ/	pễngd	bánh	
31	ết	/ɛt/	zễts	miệng	
32	ěk	/ɛk/	sễks	tiết kiệm	
33	ê ~ i	/e:/	êl	ừ	
34	êu	/e:u/	zêud	cái kéo	
35	êm	/e:m/	kêmh	rừng	

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
36	ên	/e:n/	dênc	hiền lành	
37	êp	/e:p/	cêpc	luộc	
38	êt	/e:t/	pêtr	tám	
39	i	/i:/	sil	đỏ	
40	iu	/i:u/	siur	cây chuối	
41	in	/i:n/	yinr	thuốc lá	
42	ing	/i:ŋ/	sings	mát	
43	ip	/i:p/	nhipr	khép vào	
44	ik	/ik/	kah liks	nấc	
45	iu	/iu/	tĩud	ruợu	
46	ĩm	/im/	nhĩmd	khóc	
47	ĩn	/in/	nhĩnc	ăn	
48	ĩng	/iŋ/	nĩngh	đi	
49	ĩp	/ip/	tĩps	ném	
50	ĩt	/it/	pĩts	ba ba	
51	o	/o:/	lox	tìm	
52	oi	/o:i/	noil	ngày	
53	ou	/ou/	toux	lửa	
54	ow ~ ou	/o:u/	powd	宝 (phương ngữ Hải Nam)	(Chưa dùng)
55	om	/o:m/	nomh	lá	
56	on	/o:n/	konr	gốc	
57	ong	/o:ŋ/	kongd	nói	
58	op	/o:p/	zopc	vút	
59	ot	/o:t/	motr	róc thịt	
60	ok	/o:k/	nokr	cốc vào	
61	õn	/on/	kõnr	đóng	
62	õm	/om/	tõmr	hôn	
63	õng	/oŋ/	põngd	đầy	
64	õp	/op/	zõpl	chọc	

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa	Ghi chú
65	ốt	/ot/	sốtł	lau	
66	ốk	/ok/	phốkl	đỏ	
67	ô	/o:/	pôr	ba	
68	ôi	/o:i/	môix	mỗi	
69	ôn	/o:n/	bônɦ	mâm	
70	ông	/o:ŋ/	kôngr	光	
71	ôt	/o:t/	nhôtc	月	
72	ôk	/o:k/	kôkr	nước	
73	u	/u:/	pux	tay	
74	ui	/u:i/	uis	cho ăn	
75	um	/u:m/	lumx	攬	
76	un	/u:n/	yunc	xoa xát	
77	ung	/u:ŋ/	yungx	nuôi	
78	up	/u:p/	lupł hal	ho	
79	ut	/u:t/	dutc	đột nhiên	
80	uk	/uk/	chukł	giã, đập	
81	ũi	/ui/	gũir	áo	
82	ủm	/um/	nhũml	nắm tay	
83	ủn	/un/	fũnr	cho	
84	ững	/uŋ/	tũngx	lợn	
85	ủp	/up/	đũps	da	
86	út	/ut/	mũts	rút ra	
87	iik	/i:k/	iikf	(gắng sức)	
88	uuk	/u:k/	uukf	(gắng sức)	
89	â	/ə/ hoặc /ə:/		(dùng để phiên âm)	

Vẫn có bán nguyên âm /j/ phía trước

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
1	ia	/ja:/	kiaɾ	đen

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
2	iai	/ja:i/	piais	củi tre
3	iau	/ja:u/	biaux	bột
4	iam	/ja:m/	giamc	khâu
5	ian	/ja:n/	gianh	hổ
6	iang	/ja:ŋ/	kiangx	voi
7	iat	/ja:t/	biatc	cay
8	iak	/ja:k/	ngiakc	若
9	iăi	/jai/	biăic	măng
10	iău	/jau/	kiăus	trúng
11	iăng	/jaŋ/	giăngx	làng, xóm, thôn
12	ie	/je:/	phiel biăic	xé măng
13	ieng	/je:ŋ/	biengx	lớp màng
14	iěn	/jen/	biěnx	con gián
15	iết	/jet/	biếtc	lưỡi
16	io	/jo:/	kior	sáu
17	iom	/jo:m/	kiomr	nóng
18	ion	/jo:n/	kionx	sần sùi
19	iong	/jo:ŋ/	kiongr	sừng, góc
20	iot	/jo:t/	kiotc	(tiếng gãy nát)
21	iô	/jo:/	giôr	(tiếng ồn ào)
22	iôn	/jo:n/	giôngh	vỗ
23	yu	/ju:/	gyud	(tiếng lảm bảm tức giận)

Vần có bán nguyên âm /w/ phía trước

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
1	ua	/wa:/	kuar	dưa
2	uai	/wa:i/	kuaid	đẹp
3	uan	/wa:n/	kuanr	quan
4	uang	/wa:ŋ/	guangh	lương thực

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
5	uăi	/wai/	kuăis	treo
6	uăñ	/wan/	kuăñs	vút
7	uăng	/waŋ/	kuăngd	rộng
8	uăť	/wat/	khuăťl	bói
9	uăk	/wak/	khuăkl	cái
10	ue	/wɛ:/	kuex	dây
11	uei	/wei/	kueir	ốc
12	ueng	/wɛ:ŋ/	kuengs	bỏ
13	uên	/we:n/	kuêns	quen
14	uêť	/we:t/	khuêťl	cạo
15	wi	/wi:/	khwil	cuộn
16	wit	/wi:t/	khwitl	cạo
17	wĩn	/win/	bah nomh khwĩnl	khuyên tai
18	wing	/wi:ŋ/	wingl	兄
19	wĩť	/wit/	khwĩťl săus	vắt chéo chân

Thanh điệu

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
1	r	214	peir	biết
2	l	21	xal	gái
3	h	22	gungh	trời
4	d	35	fõnd	bắn
5	b	3ʔ	khôb	ngon
6	x	31	max	ngựa
7	s	224	saus	lên
8	z	31	thăuz	đến
9	c	3ʔ	noc	chim
10	r	214	pêtr	tám
11	s	224	păťs	bút

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
12	l	21	khiếtl	bảy
13	c	3 ²	mắtc	tất

Nhấn mạnh từ

STT	QMun	IPA Dao Thanh Y	Ví dụ	Nghĩa
1	f	55 (cao nhất)	kuaidf kuaid	siêu, cực, rất đẹp

Quy tắc viết

- Viết từ trái qua phải và từ trên xuống dưới như Tiếng Việt, tiếng Anh,...
- Viết theo thứ tự phụ âm + vần + thanh điệu + nhấn mạnh từ (nếu có)
- Thêm dấu ngay trên nguyên âm.